TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2021/DS-PT
Ngày: 06-7-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Ông Phạm Văn Tâm;

2. Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021, của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1973; cư trú tại: Khu phố NP, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Nông Thị C, sinh năm 1985; cư trú tại: Khu phố NP, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; (theo Văn bản ủy quyền ngày 15-4-2020); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1984; cư trú tại: Khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Thanh Ng, sinh năm 1986; cư trú tại: Khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Thanh T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T và người đại diện hợp pháp của ông T, bà Nông Thị C trình bày:

Ngày 22-11-2019, ông Huỳnh Thanh T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Bá

H và bà Nguyễn Thị Kim Th phần đất có diện tích 319 m^2, thửa số 391, tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp NT, xã NS, thị xã TN (nay là khu phố NP, phường NS, thành phố TN), tỉnh Tây Ninh, ngày 02-12-2019 ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 391, tờ bản đồ số 27, diện tích 319 m^2. Sau khi sang nhượng đất, ông T sửa lại hàng rào ranh giáp với đất ông Nguyễn Thanh Đ, nhưng ông Đ không đồng ý, nên xảy ra tranh chấp. Vụ việc đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường NS, nhưng không thành.

Ông T yêu cầu ông Đ trả lại phần đất tranh chấp diện tích 59 m^2, có kích thước, cạnh giáp thửa số 420, chiều rộng 0,64 m, chiều dài 19,52 m; cạnh giáp thửa số 396, chiều rộng 2,92 m, chiều dài 24,58 m. Ông T xây nhà trên thửa đất số 391, tờ bản đồ số 27, không nằm trong phần diện tích đất tranh chấp.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Ngày 26-3-2010, ông nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc T và bà Võ Thị Thu H phần đất diện tích 3.470,4 m^2, gồm các thửa số 369, 392, 393, tờ bản đố số 27, tọa lạc tại khu phố NP, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, do đất ông T, bà Hà được cấp giấy nên khi chuyển nhượng không tiến hành đo đạc, chỉ căn cứ vào giấy đã cấp để làm thủ tục chuyển nhượng, ngày 25-5-2010 ông và vợ là bà Huỳnh Thị Thanh Ng được Ủy ban nhân dân thị xã TN (nay là thành phố TN), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa số 369, 392, 393, tờ bản đồ số 27, diện diện tích 3.470,4 m^2. Sau khi sang nhượng đất, ông và ông H, là chủ đất cũ sang nhượng lại cho ông T có đo đạc, xác định ranh và cắm trụ bê tông làm hàng rào và từ đó đất không tranh chấp. Tháng 3/2020, ông T cho người đến xây dựng tháo dỡ và cắm lại trụ bê tông mới không đúng làm thay đổi ranh đất, nên phát sinh tranh chấp, sau đó ông có cắm lại 05 trụ hàng rào mới. Ông không lấn chiếm đất, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Thanh Ng trình bày: Bà là vợ của ông Đ. Năm 2010, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông T diện tích 3.470,4 m^2, gồm các thửa số 369, 392, 393, tờ bản đố số 27 và vợ chồng bà sử dụng đất ổn định từ đó. Bà thống nhất với lời trình bày của ông Đ, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021, của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Áp dụng Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 166, 175, 176, 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T đối với ông Nguyễn Thanh Đ và chị Huỳnh Thị Thanh Ng trả lại diện tích đất 59 m^2, tọa lạc khu phố NP, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 07-4-2021, ông Huỳnh Thanh T kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử không xem xét đến kết quả đo đạc, làm ảnh hưởng đến tài sản của ông; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3

năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C đại diện cho ông T yêu cầu ông Đ, bà Ng trả lại diện tích đất 59 m^2; đồng ý nhận 07 cây mai vàng và 04 cây bông trang trồng trên đất và thanh toán lại bằng giá trị theo thỏa thuận cho ông Đ, bà Ng; yêu cầu ông Đ, bà Ng di chuyển 05 trụ rào bằng bê tông và dây kẽm gai đã rào ra khỏi diện tích 59 m^2.

Ông T thống nhất với ý kiến của bà C, ông không tranh luận.

Ông Đ, bà Ng thừa nhận diện tích đất của ông, bà qua kết quả đo đạc so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp không thiếu, nhưng phần đất tranh chấp ông bà đã sử dụng từ trước đến nay nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu khởi kiện của ông T, ông bà không bao chiếm đất của ông T; không đồng ý di chuyển 05 trụ rào bằng bê tông ra khỏi phần đất tranh chấp; không đồng ý giao 11 cây trồng trên đất cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Nguồn gốc đất của ông T, ông Đ khi sang nhượng không đo đạc mà chỉ căn cứ vào diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người bán. Năm 2019, ông T sang nhượng diện tích 319 m^2, năm 2020 ông T làm hàng rào thì xảy ra tranh chấp với ông Đ. Kết quả đo đạc thực tế diện tích tranh chấp 59 m^2 hiện ông Đ, bà Ng sử dụng nằm trong diện tích 319 m^2 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; căn cứ vào sơ đồ hiện trạng sử dụng đất thì đất của ông T, ông Đ cấp giấy đúng diện tích; tại phiên tòa ông Đ xác định đất của ông qua đo đạc không thiếu so với diện tích được cấp giấy; diện tích đất ông T hiện quản lý chỉ 243,5 m^2, diện tích còn lại của thửa số 319, ông Đ sử dụng 59 m^2. Như vậy, dù các bên khi chuyển nhượng không đo đạc thực tế, nhưng diện tích được cấp giấy đúng với diện tích chuyển nhượng; ông H là chủ đất cũ xác định khi chuyển nhượng đất cho ông T không đo đạc, hàng rào trên đất ông chỉ rào tạm thời vì không muốn người khác đi trên đất. Ông Đ cho rằng, ông H đã rào xác định ranh đất là không có cơ sở; cấp sơ thẩm nhận định diện tích đất ông T, ông Đ đều thiếu so với diện tích được cấp giấy chứng nhận là chưa xem xét toàn diện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T; ghi nhận ông T đồng ý nhận số cây trồng trên đất ranh chấp và thanh toán lại bằng giá trị cho ông Đ; sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông Đ, bà Ng trả lại cho ông T diện tích 59 m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07-4-2021 ông T làm đơn kháng cáo, ngày 13-4-2021, ông T nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh cùng ngày là

đảm bảo thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 22-11-2019, ông Huỳnh Thanh T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Bá H và bà Nguyễn Thị Kim Th thửa đất số 391, tờ bản đồ số 27, diện tích 319 m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-5-2008. Ngày 02-12-2019, ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 391, tờ bản đồ số 27, diện tích 319 m^2. Sau khi đất được cấp giấy, ông T thuê người sửa lại hàng rào ranh giáp đất ông Nguyễn Thanh Đ và bà Huỳnh Thị Thanh Ng thì xảy ra tranh chấp, nguyên nhân ông T cho rằng, một phần diện tích đất ông nhận sang nhượng 59 m^2 bị ông Đ, bà Ng quản lý, sử dụng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T và chứng đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nhận thấy, ngày 26-3-2010 ông Đ, bà Ng nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc T và bà Võ Thị Thu H thửa đất số 369, 392, 393, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.470,4 m^2, trong đó thửa số 369, diện tích 1.367,5 m^2; thửa số 392, diện tích 966,1 m^2; thửa số 393, diện tích 1.136,8 m^2 được Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04-10-2005. Sau khi sang nhượng, ngày 25-5-2010, ông Đ, bà Ng được Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa số 369, 392, 393, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.470,4 m^2.

[4] Kết quả xác minh những người sang nhượng đất, trong đó ông T là chủ đất cũ sang nhượng lại cho ông Đ, bà Ng trình bày, ranh đất của ông trước khi sang nhượng giáp đất ông H có cây rừng xác định bờ ranh (BL số 103), nhưng cây rừng mà ông T trình bày hiện không còn, không xác định được vị trí. Sau khi vợ chồng ông Đ sang nhượng đất lại của ông T, ông H chủ đất giáp ranh không sinh sống tại đây, không muốn người khác đi tắt qua đất của mình nên làm hàng rào tạm, chưa chính xác diện tích hiện tại (BL số 70). Theo kết quả đo đạc, lồng ghép bản đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07-12-2020 của Công ty TNHH Một thành viên đo đạc Bản đồ Bình An (Cty Bình An) thể hiện, thửa đất số 391 của ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 319 m^2, nhưng hiện tại ông T quản lý, sử dụng 243,5 m^2, thiếu 75,5 m^2, trong đó ông Đ, bà Ng quản lý, sử dụng 59 m^2 giáp với thửa số 369 và thửa số 392, tờ bản đồ số 27 của ông, bà.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử nhận định *"Qua đo đạc diện tích phần đất thực tế của ông T và ông Đ điều thiếu so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T không có cơ sở chấp nhận"* là chưa chính xác, vì theo kết quả đo đạc, lồng ghép bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Cty Bình An, thửa số 369, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.367,5 m^2 đủ diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ được cấp, nhưng hiện tại ông Đ, bà Ng quản lý thêm diện tích 46 m^2, một phần thửa số 391 của ông T (lấn qua ông T 46 m^2). Thửa số 392, tờ bản đồ số 27, diện tích 966,1 m^2, kết quả đo đạc diện tích 953,7 m^2 thiếu 12,4 m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng diện tích 12,4 m^2 này nằm qua thửa số 420 của bà Lê Thị Cẩm Th quản lý, sử dụng; hiện tại ông Đ, bà Ng quản lý, sử dụng diện tích 13 m^2, thửa số 391 của ông T (lấn qua ông T 13 m^2). Như vậy, thửa đất số 392 của ông Đ, bà Ng thiếu 12,4 m^2 giáp thửa số 420 bà

Thúy quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, ông Đ xác nhận diện tích ông sang nhượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với kết quả đo đạc đủ diện tích, không thiếu, nhưng phần đất tranh chấp ông đã sử dụng và trồng cây trên đất, nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu của ông T là không có cơ sở.

[6] Trên diện tích đất tranh chấp 59 m^2, ông Đ, bà Ng trồng 07 cây mai vàng và 04 cây bông trang từ tháng 4-2020, trước khi ông T khởi kiện vụ án đến Tòa án, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không kiểm tra, xem xét, thẩm định tại chỗ là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được sai sót này.

Theo mẫu số 52 về hướng dẫn viết bản án, ban hành kèm theo Nghị quyết số: 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13-01-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nân dân tối cao, bản án có kết cấu gồm phần nội dung vụ án; phần nhận định của Tòa án và phần quyết định, nhưng Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 30-3-2021, của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh sử dụng từ "xét thấy" trong phần nhận định của Tòa án là không đúng theo mẫu hướng dẫn. Những sai sót trên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; chấp nhận kháng cáo của ông T; sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông Đ, bà Ng trả cho ông T diện tích đất tranh chấp 59 m^2, một phần thửa số 391, tờ bản đồ số 27 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CS11735 ngày 02-12-2019, trong đó diện tích 13 m^2 giáp thửa đất số 392 của ông Đ, bà Ng có tứ cận: Đông giáp thửa số 420 của bà Thúy, dài 0,64 m; Tây giáp thửa số 391 của ông T, dài 0,25 m; Nam giáp thửa số 391 của ông T, dài 1,61 m + 6,08 m + 1,81 m + 5,71 m + 6,15 m; Bắc giáp thửa số 392 của ông Đ, bà Ng, dài 19,52 m. Diện tích 46 m^2 giáp thửa đất số 369 của ông Đ, bà Ng có tứ cận: Đông giáp thửa số 391 của ông T, dài 0,25 m; Tây giáp thửa số 312, dài 2,92 m; Nam giáp thửa số 391 của ông T, dài 11,18 m + 6,08 m + 06 m + 1,39 m; Bắc giáp thửa số 369 của ông Đ, bà Ng, dài 24,58 m. Đất tọa lạc khu phố NP, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

[8] Ghi nhận ông T đồng ý nhận 07 cây mai vàng và 04 cây bông trang trồng trên diện tích 59 m^2 và đồng ý thanh toán lại bằng giá trị cho ông Đ, bà Ng số tiền 1.650.000 đồng; buộc ông Đ, bà Ng di chuyển 05 trụ rào bằng bê tông và dây kẽm gai đã rào ra khỏi diện tích 59 m^2 tranh chấp trả lại cho ông T.

[9] Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng 15.800.000 đồng (ở cấp phúc thẩm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000 đồng), do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, nên ông Đ phải chịu số tiền này, ghi nhận ông T đã ứng nộp xong nên ông Đ phải nộp lại để trả cho ông T.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T tranh chấp quyền sử dụng đất về ranh đất và được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông T được Hội đồng xét xử

chấp nhận, nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 164, 166 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 148, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Thanh T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021, của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T về "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với ông Nguyễn Thanh Đ.

2.1. Buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Huỳnh Thị Thanh Ng trả cho ông Huỳnh Thanh T diện tích đất tranh chấp 59 m^2, một phần thửa số 391, tờ bản đồ số 27 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CS11735 ngày 02-12-2019 do ông T đứng tên, trong đó diện tích 13 m^2 giáp thửa số 392 của ông Đ, bà Ng có tứ cận: Đông giáp thửa số 420 của bà Thúy, dài 0,64 m; Tây giáp thửa số 391 của ông T, dài 0,25 m; Nam giáp thửa số 391 của ông T, dài 1,61 m + 6,08 m + 1,81 m + 5,71 m + 6,15 m; Bắc giáp thửa số 392 của ông Đ, bà Ng, dài 19,52 m. Diện tích 46 m^2 giáp thửa số 369 của ông Đ, bà Ng có tứ cận: Đông giáp thửa số 391 của ông T, dài 0,25 m; Tây giáp thửa số 312, dài 2,92 m; Nam giáp thửa số 391 của ông T, dài 11,18 m + 6,08 m + 06 m + 1,39 m; Bắc giáp thửa số 369 của ông Đ, bà Ng, dài 24,58 m. Đất tọa lạc khu phố NP, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ đất kèm theo).

2.2. Giao cho ông Huỳnh Thanh T được quyền sở hữu 07 (bảy) cây mai vàng và 04 (bốn) cây bông trang trồng từ tháng 4-2020 trên diện tích 59 m^2 và có trách nhiệm thanh toán lại bằng giá trị cho ông Nguyễn Thanh Đ và bà Huỳnh Thị Thanh Ng số tiền 1.650.000 đồng (một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

2.3. Buộc ông Nguyễn Thanh Đ và bà Huỳnh Thị Thanh Ng di chuyển 05 (năm) trụ rào bằng bê tông tính theo hướng Bắc – Nam, gồm trụ số 01, 02, 04, 06, 07 ông Đ, bà Ng đã trồng (cắm) và dây kẽm gai đã rào ra khỏi diện tích 59 m^2 đã buộc trả lại cho ông T.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh Đ và bà Huỳnh Thị Thanh Ng có nghĩa vụ nộp lại số tiền 15.800.000 đồng (mười lăm triệu, tám trăm nghìn đồng) để trả lại cho ông Huỳnh Thanh T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí dân sự

sơ thẩm.

4.2. Ông Huỳnh Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000012 ngày 19-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Thanh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông T 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001394 ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND TP Tây Ninh;
- CCTHADS TP Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Vũ

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Vũ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND TP Tây Ninh;
- CCTHADS TP Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Trần Quốc Vũ